TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 212/2021/HNGĐ-ST Ngày 29-9-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Bùi M Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 228/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Tuyết T, nơi cư trú: Thôn 8, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Vũ Đức M, nơi cư trú: Thôn 8, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Tuyết T và anh Vũ Đức M xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 12-7-2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không còn hòa hợp về

mặt tình cảm, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn trong quá trình làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không thể chung sống cùng nhau được nữa, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Vũ Duy Long, sinh ngày 29-9-2014 và Vũ Anh Tuấn, sinh ngày 17-7-2017, ly hôn chị T nhận nuôi 02 con, không yêu cầu anh M đóng góp nuôi con chung, nếu anh M cũng có nguyện vọng được nuôi 01 con thì chị T cũng đồng ý.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Vũ Đức M nhưng anh M không lên Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh M đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Thông qua mẹ đẻ của anh M cung cấp thì quan điểm của anh M về việc giải quyết vụ án, đồng ý ly hôn với chị T, về con chung có 02 con chung như chị T trình bày, nếu ly hôn anh M có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 con, anh nhận nuôi con là Vũ Duy Long.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị Nguyễn Tuyết T được ly hôn anh Vũ Đức M; giao con chung Vũ Duy Long, sinh ngày 29-9-2014 cho anh M nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Anh Tuấn, sinh ngày 17-7-2017 cho chị T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Tuyết T và anh Vũ Đức M kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình năm 2012, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn hiện

đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị T đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh M đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống chị T và anh M đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị T cung cấp là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được, vợ chồng đã sống mỗi người một nơi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo mở phiên họp hòa giải nhưng anh M đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng chị T, anh M có phát sinh mâu thuẫn, gia đình và địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Vũ Duy Long, sinh ngày 29-9-2014 và Vũ Anh Tuấn, sinh ngày 17-7-2017. Ly hôn chị T nhận nuôi cháu Vũ Anh Tuấn, còn giao cho anh M nuôi cháu Vũ Duy Long là phù hợp nên được chấp nhận. Chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Tuyết T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Tuyết T và anh Vũ Đức M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết T được ly hôn anh Vũ Đức M.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Anh Tuấn, sinh ngày 17-7-2017 cho chị T nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Duy Long, sinh ngày 29-9-2014 cho anh M nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0016054 ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Tuyết T, anh Vũ Đức M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hànhán hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- UBND xã An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (giấy CNKH số 53/2012)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Khoa **Phạm Công Hạ** **Nguyễn Thị Mai**

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai